

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

Số: 08/2012/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bến Tre, ngày 13 tháng 3 năm 2012*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường  
đối với khai thác khoáng sản áp dụng trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 158/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Thực hiện Công văn số 17/HĐND-CTHĐND ngày 10 tháng 01 năm 2012 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25 tháng 8 năm 2011;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 458/TTr-STC ngày 29 tháng 02 năm 2012,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Đối tượng áp dụng và mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác các khoáng sản**

1. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là các loại cát (trừ cát vàng, cát làm thủy tinh) và đất sét, đất làm gạch, ngói.

b) Đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là các tổ chức, cá nhân khai thác các loại khoáng sản theo quy định tại Điểm a, Khoản này.

2. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác các loại khoáng sản:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
01	Các loại cát (trừ cát vàng, cát làm thủy tinh)	m <sup>3</sup>	4.000
02	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m <sup>3</sup>	2.000

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hiếu**